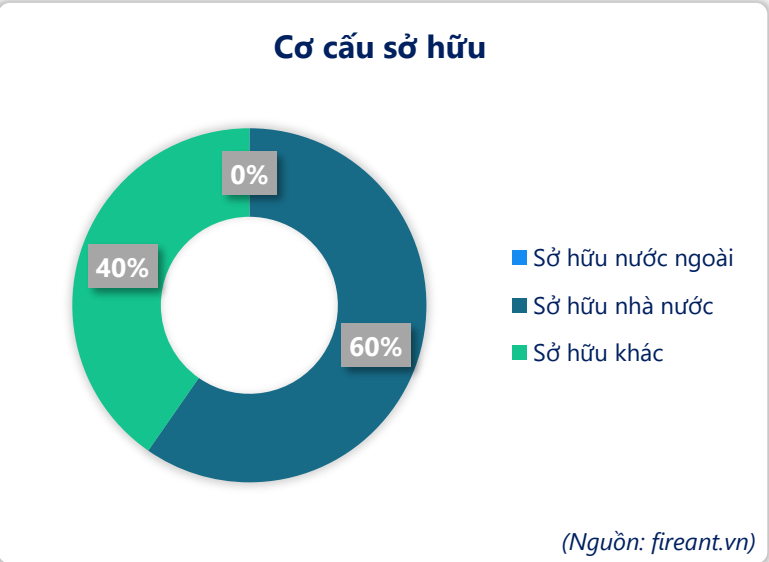
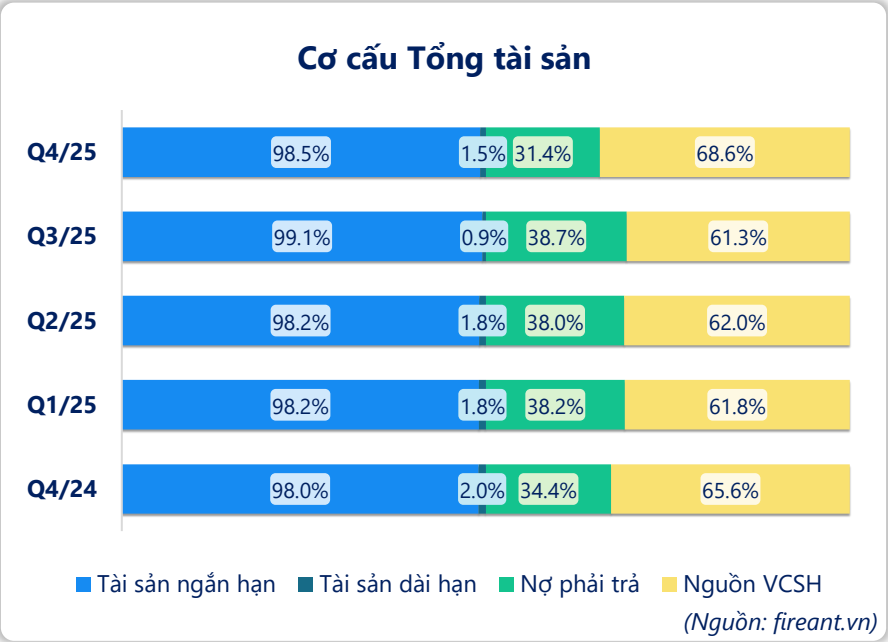
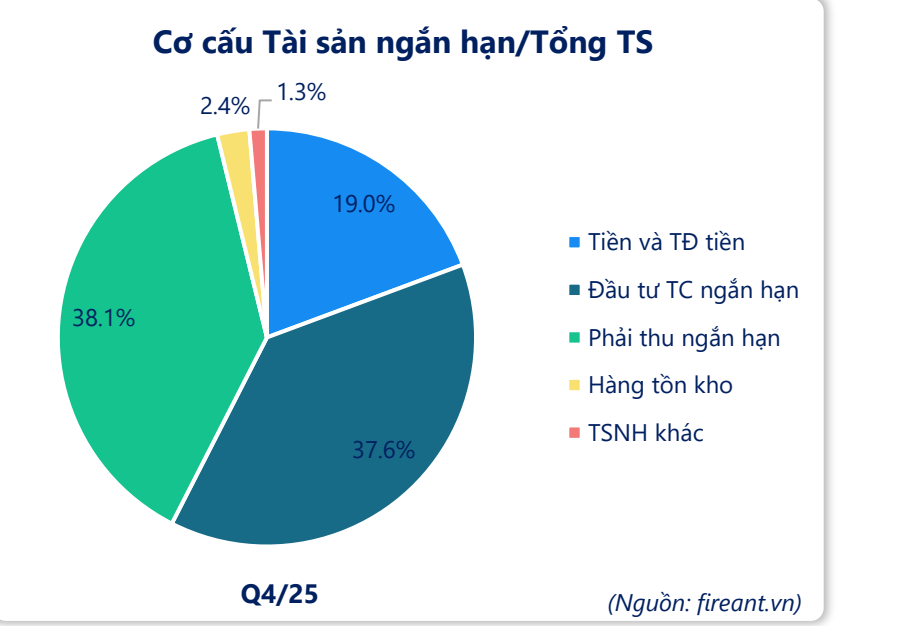
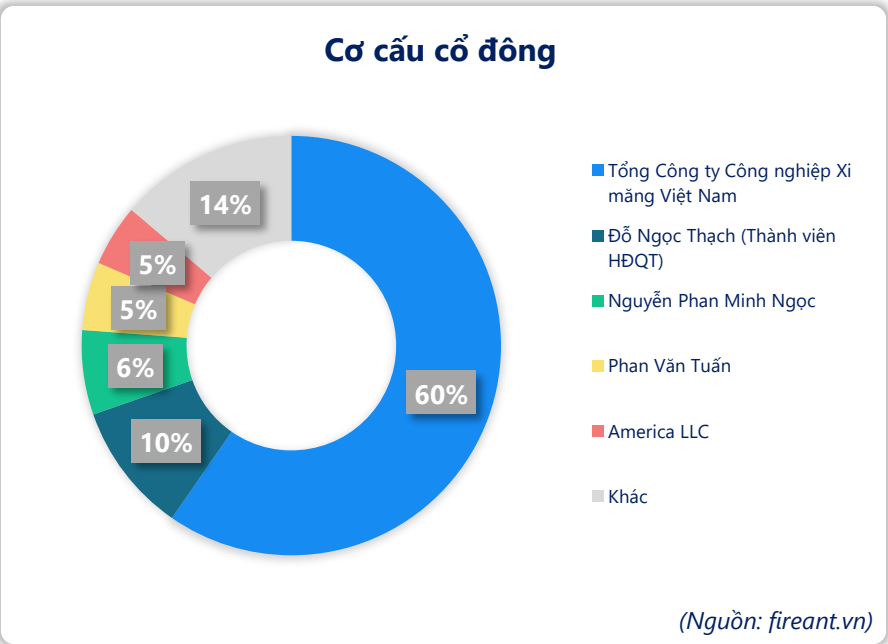
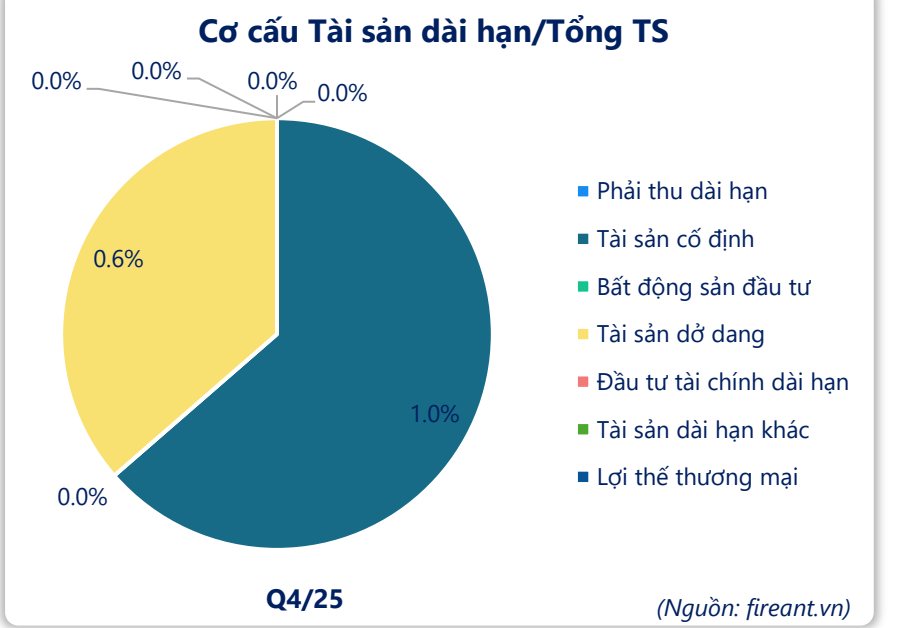
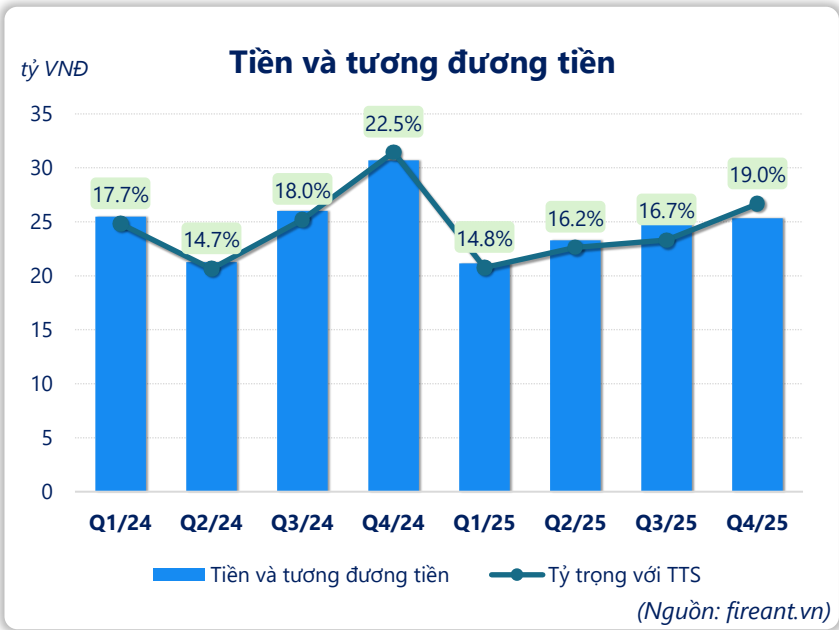
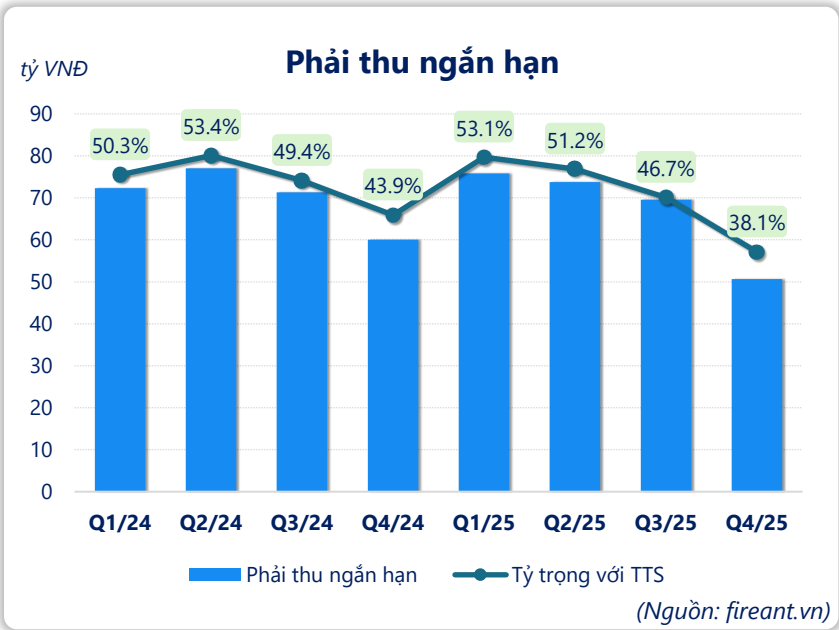
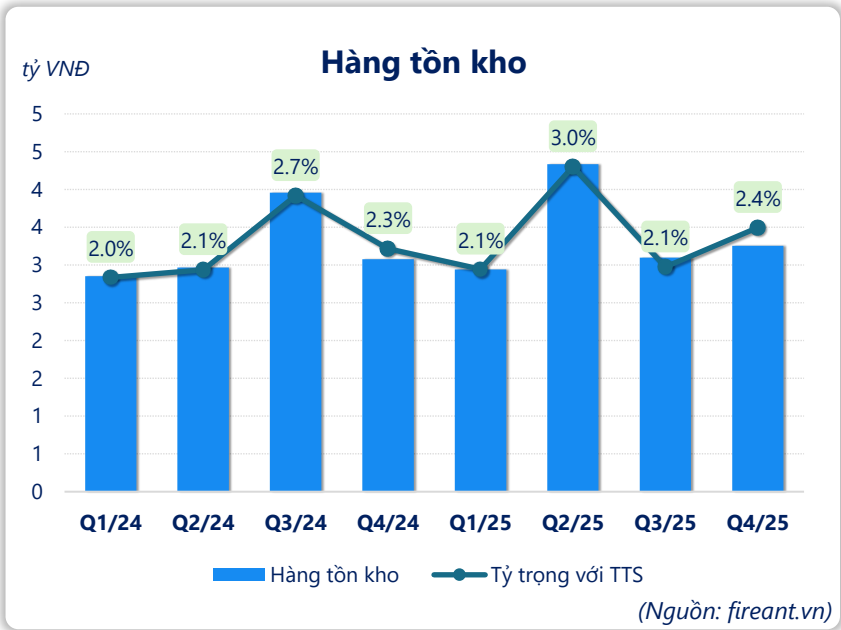
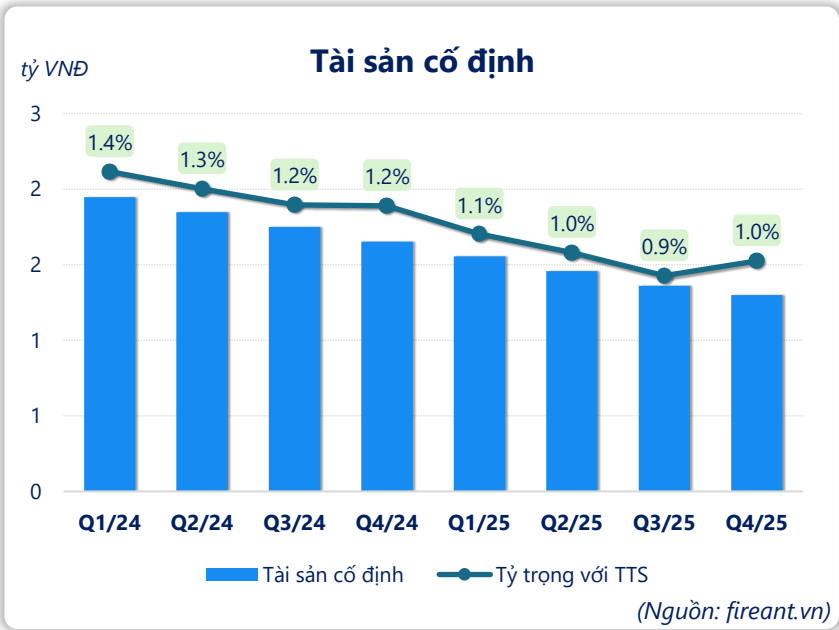
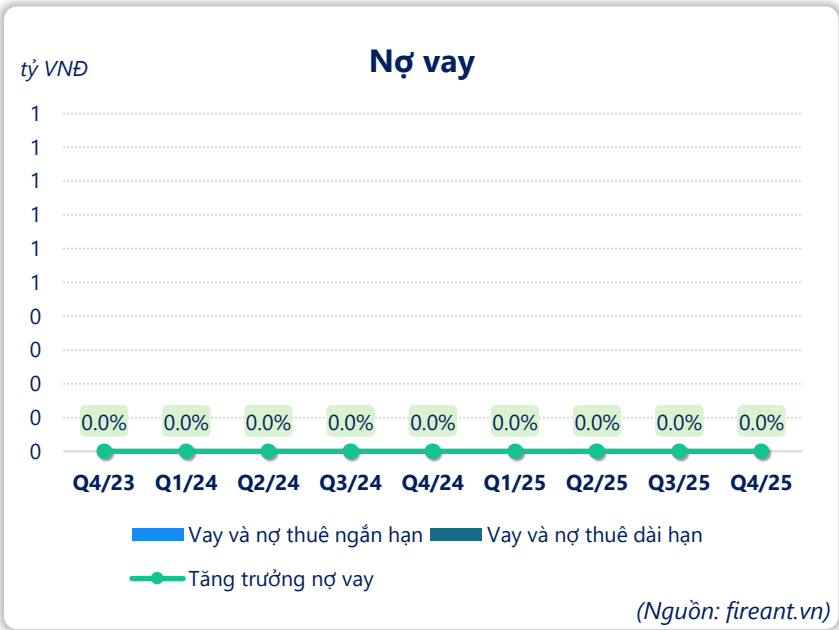
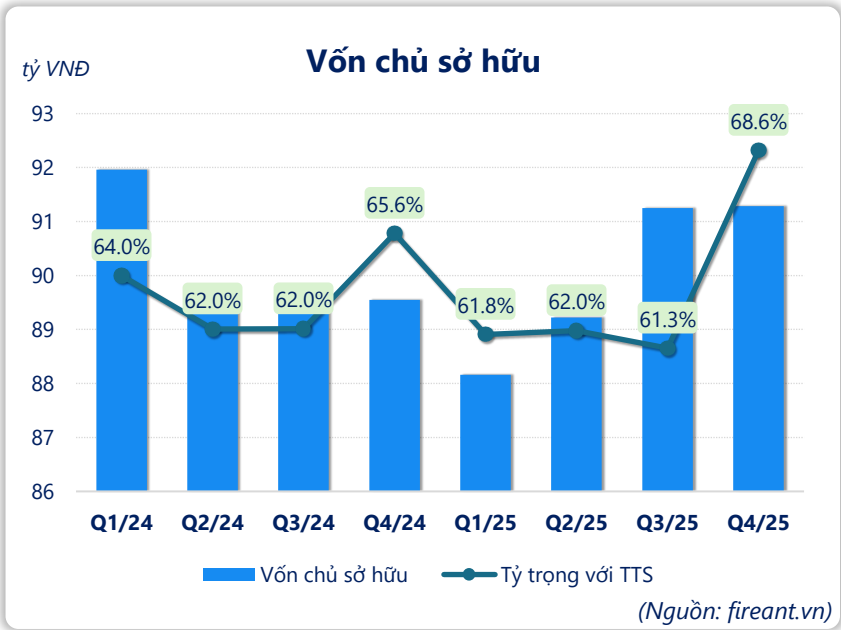
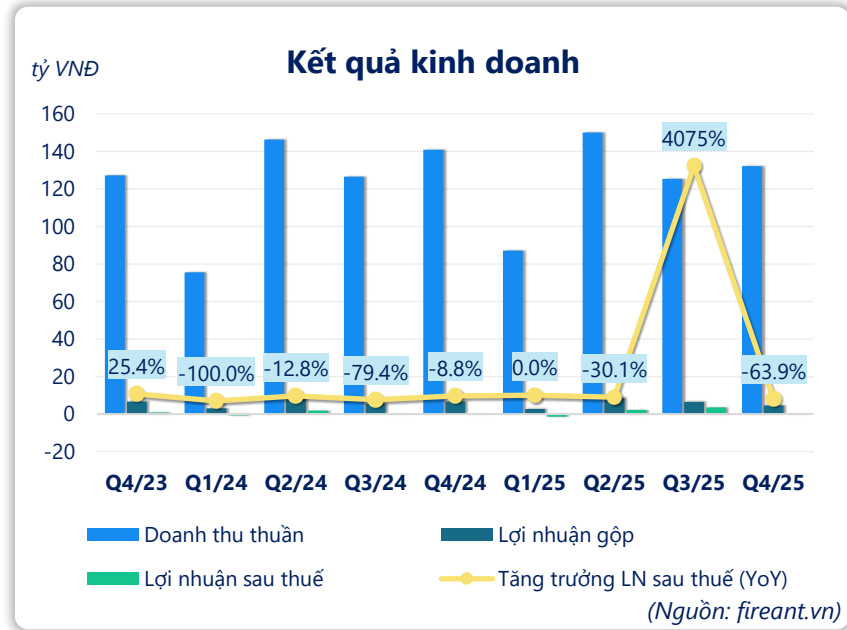
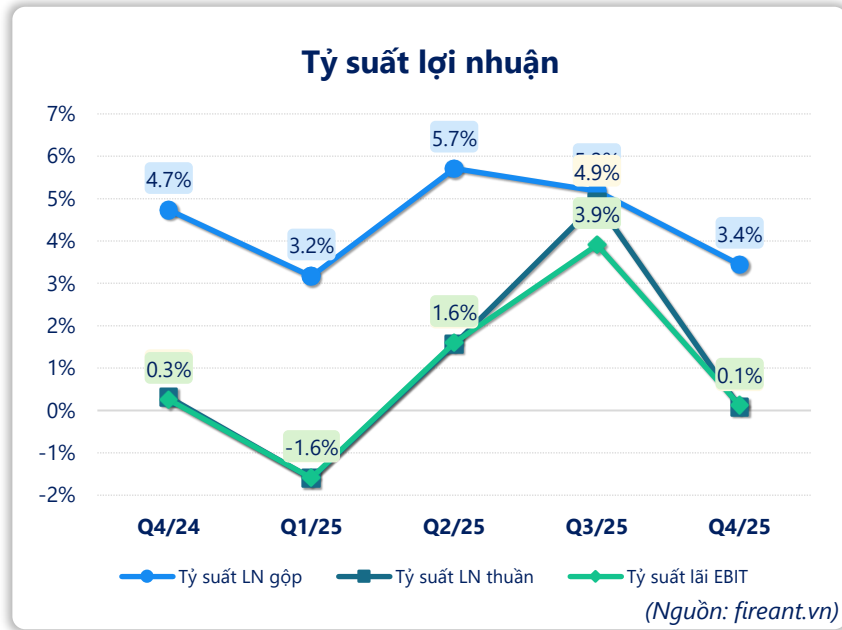
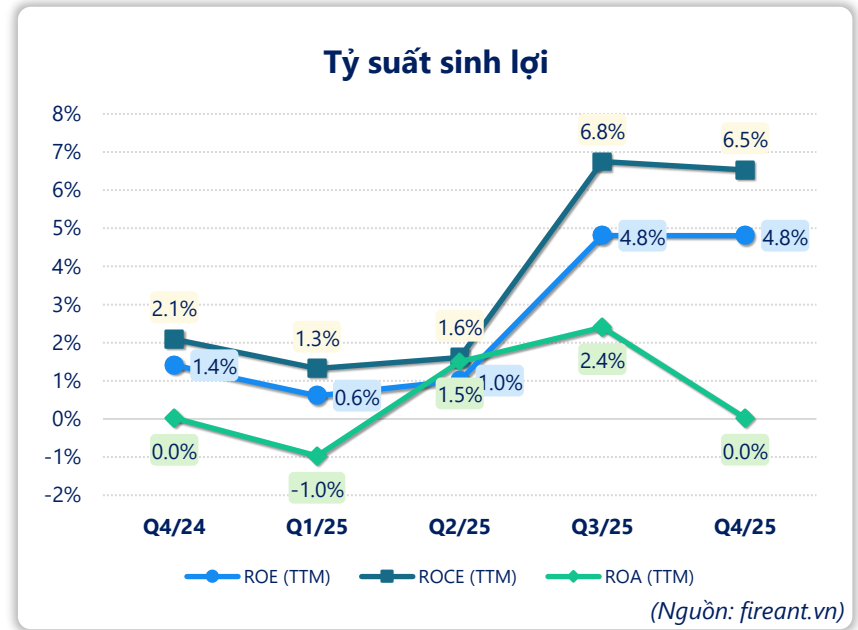
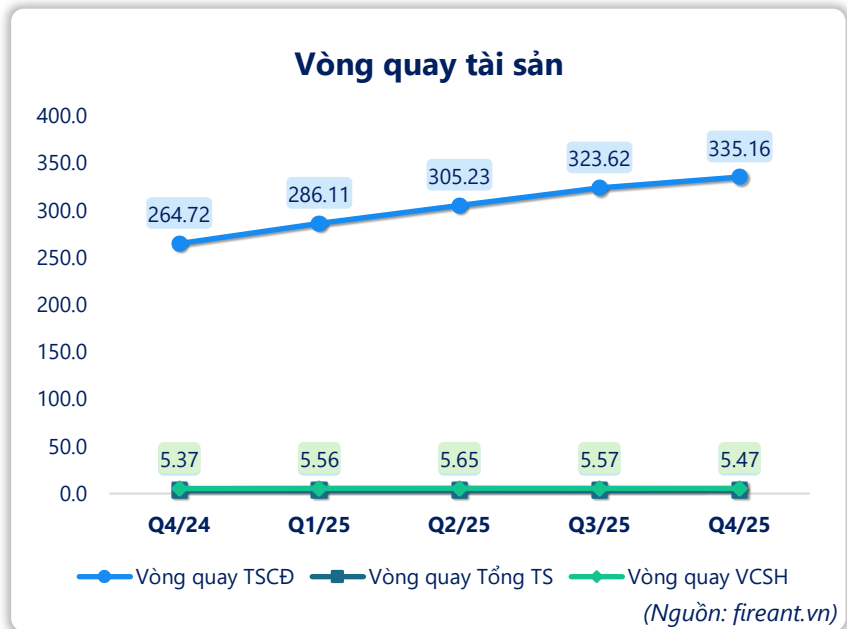
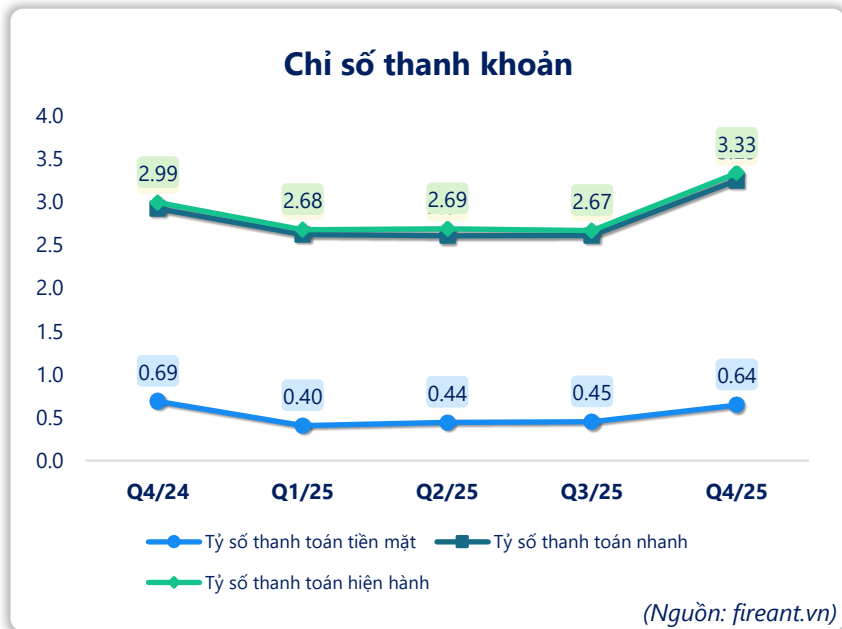
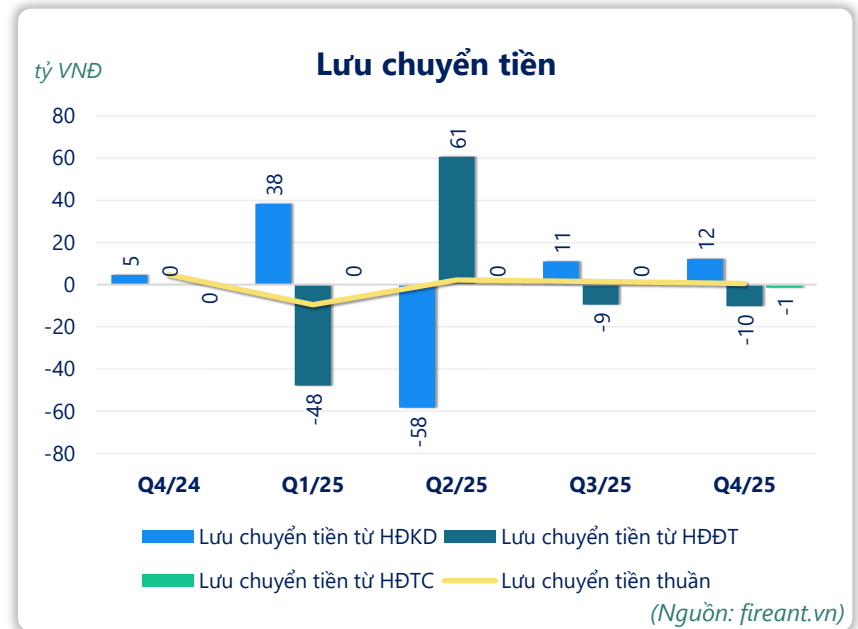


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
SL cổ phiếu LH		6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		130
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		52
P/E		12.0
EPS		724

	YTD	1T	3T	6T
TMX	-10.1%	0.0%	-15.5%	-4.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	133	137	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	131	134	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	25.3	30.7	-17.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	40.0	25.0%
Phải thu ngắn hạn	50.6	60.0	-15.7%
Hàng tồn kho	3.25	3.08	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.76	0.08	2126%
Tài sản dài hạn	2.04	2.73	-25.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.30	1.65	-21.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.74	1.08	-31.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.7	47.0	-11.3%
Nợ ngắn hạn	39.3	44.7	-12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.7	26.4	-10.2%
Nợ dài hạn	2.43	2.29	5.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	91.3	89.5	1.9%
Vốn chủ sở hữu	91.3	89.5	1.9%
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	141	87.1	150	125	132
Giá vốn hàng bán	134	84.4	141	119	128
Lợi nhuận gộp	6.66	2.76	8.57	6.49	4.55
Doanh thu HĐTC	1.10	1.09	1.18	1.21	1.19
Chi phí TC	0.67	0.42	0.69	0.60	0.68
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.95	2.44	3.35	2.86	1.93
Chi phí QLDN	3.69	2.38	3.38	-1.90	3.03
LN thuần từ HĐKD	0.45	-1.40	2.34	6.15	0.10
Lợi nhuận khác	-0.09	0.01	0.06	-1.25	0.05
LN trước thuế	0.36	-1.39	2.39	4.89	0.15
Lợi nhuận sau thuế	0.04	-1.39	2.17	3.52	0.04
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	-1.39	2.17	3.52	0.04

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.68	38.3	-58.4	11.0	12.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-47.8	60.5	-9.48	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	0	0	-1.49
Tiền đầu kỳ	26.0	30.7	21.2	23.3	24.8
Lưu chuyển tiền thuần	4.68	-9.53	2.14	1.50	0.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.7	21.2	23.3	24.8	25.3

(Nguồn: fireant.vn)